TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2022
Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành
Ông Nguyễn Văn Quỹ

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 431/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1975; số căn cước công dân: 036175001665; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1966; số chứng minh nhân dân: 162016244; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 230 đường L, phường Q, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 16-11-2021, bản tự khai ngày 26-11-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn M tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào khoảng tháng 10/1993, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 18-10-1993.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2006 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do anh M thường xuyên bỏ gia đình để vào thành phố Hồ Chí Minh sống với bố mẹ đẻ. Chị cũng đã cố gắng hàn gắn bằng cách có lần đưa các con vào thành phố Hồ Chí Minh, nhưng do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Từ năm 2007 vợ chồng đã sống ly thân, anh M không chung sống cùng với chị nữa mà chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Hiện tại, chị xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn M có 02 con chung. Con gái lớn tên là Trần Thu H1, sinh ngày 10-02-1994 hiện đã trưởng thành và sống tự lập; con trai nhỏ tên là Trần Minh H2, sinh ngày 25-01-2004, hiện đang học lớp 12 và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi con Trần Minh H2 và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Dương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 13-12-2021, bị đơn là anh Trần Văn M trình bày:

Anh và chị Dương Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào năm 1993.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định Cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2007 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp nhau. Từ năm 2007 vợ chồng đã sống ly thân, anh chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Hiện tại anh đồng ý ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung. Con gái lớn tên là Trần Thu H1, sinh ngày 10-02-1994 hiện đã trưởng thành và sống tự lập; con trai nhỏ tên

là Trần Minh H2, sinh ngày 25-01-2004, hiện đang học lớp 12 và do Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh và Chị N sẽ tự thỏa thuận về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Trần Văn M.

- Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi con Trần Minh H2, sinh ngày 25-01-2004. Anh Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Buộc chị Dương Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Dương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Văn M, giải quyết người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Văn M không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Dương Thị N cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn là anh Trần Văn M tại: Số 43/1 đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn M khai hiện tại

đang cư trú tại địa chỉ: Số 230 đường L, phường Q, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên anh Trần Văn M có đơn lựa chọn Tòa án nơi vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú giải quyết vụ án, vì vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Dương Thị N và bị đơn là anh Trần Văn M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị N và anh Trần Văn M có thời gian tìm hiểu nhau trước, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào khoảng tháng 10/1993. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 18-10-1993. Như vậy hôn nhân giữa Chị N và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị N và anh M chung sống tại địa chỉ: Số 43/1 Tô Hiến Thành, phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận cho đến khoảng năm 2007 thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau và từ khoảng thời gian này anh M thường xuyên vào thành phố Hồ Chí Minh sống cùng bố mẹ đẻ. Mặc dù Chị N đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, do hai bên sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện tại cả Chị N và anh M đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa Chị N và anh M ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Trần Văn M.

2.2. Về con chung:

Chị Dương Thị N và anh Trần Văn M có 02 con chung. Con gái lớn là Trần Thu H1, sinh ngày 10-02-1994, hiện đã trưởng thành và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con trai nhỏ là Trần Minh H2, sinh ngày 25-01-2004, hiện nay do Chị N trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao cho Chị N tiếp tục nuôi con Trần Minh H2 sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị Dương Thị N không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Dương Thị N và anh Trần Văn M đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Dương Thị N là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm Chị N đã nộp khi khởi kiện sẽ được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Trần Văn M.

2. Con chung:

Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi con Trần Minh H2, giới tính: Nam, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2004.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị N không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương Thị N và anh Trần Văn M vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Dương Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Dương Thị N đã nộp tại biên lai số 0005047 ngày 16-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Dương Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị N và anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Trường Thi (ĐKKH số 86 ngày 18-10-1993);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Minh Tuấn